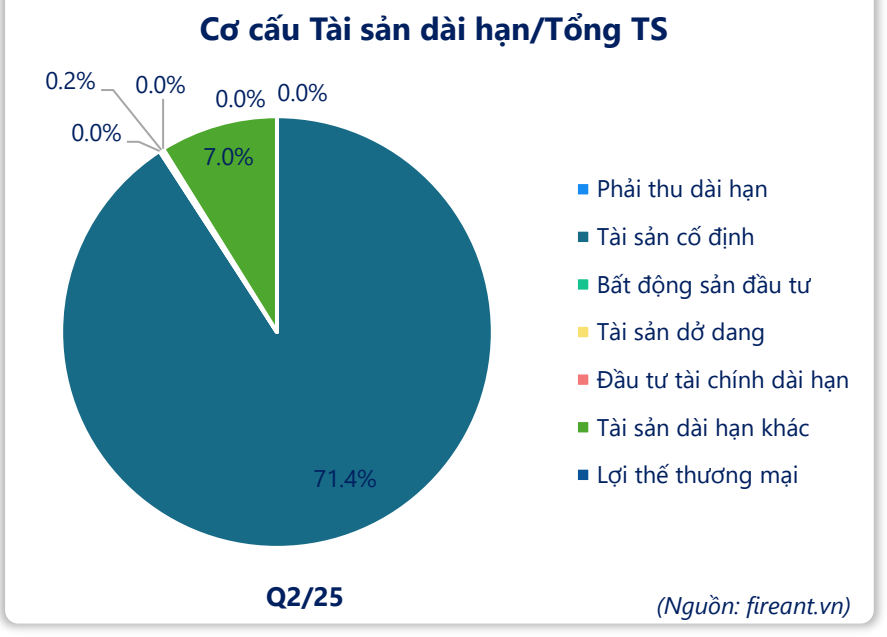
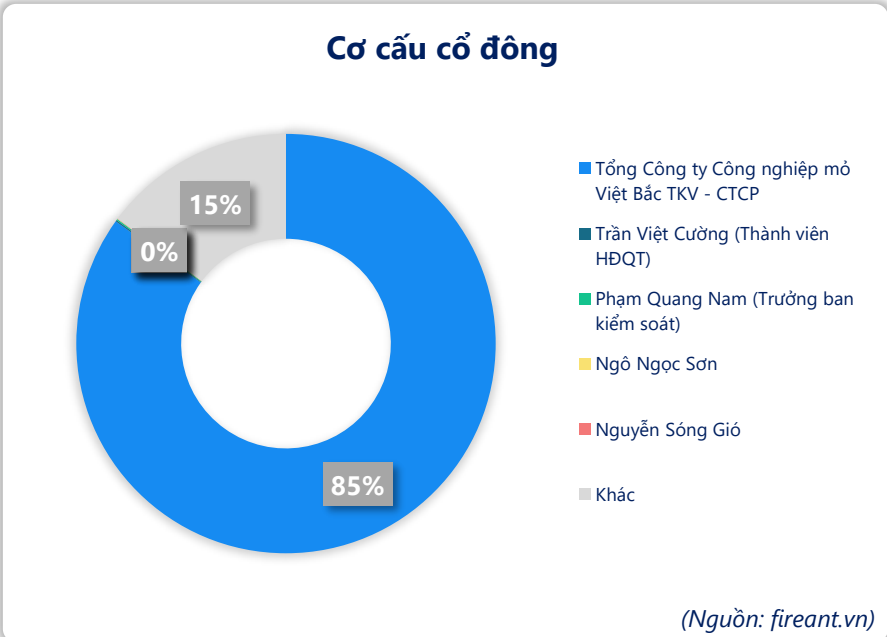
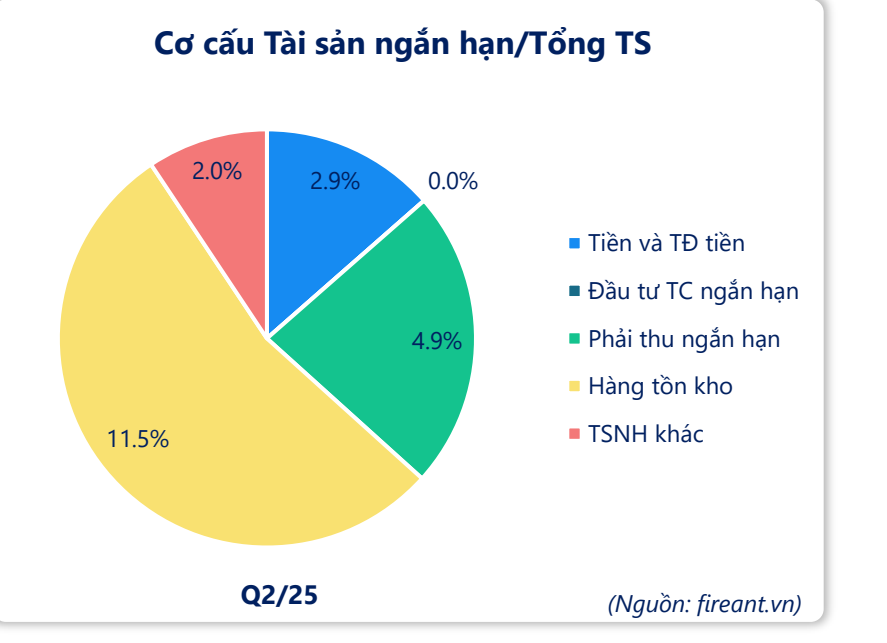
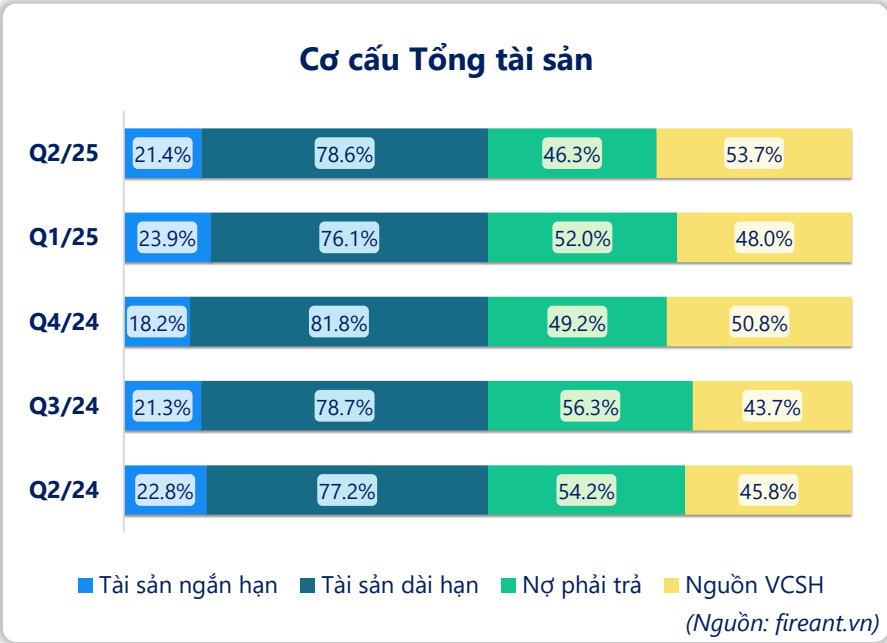
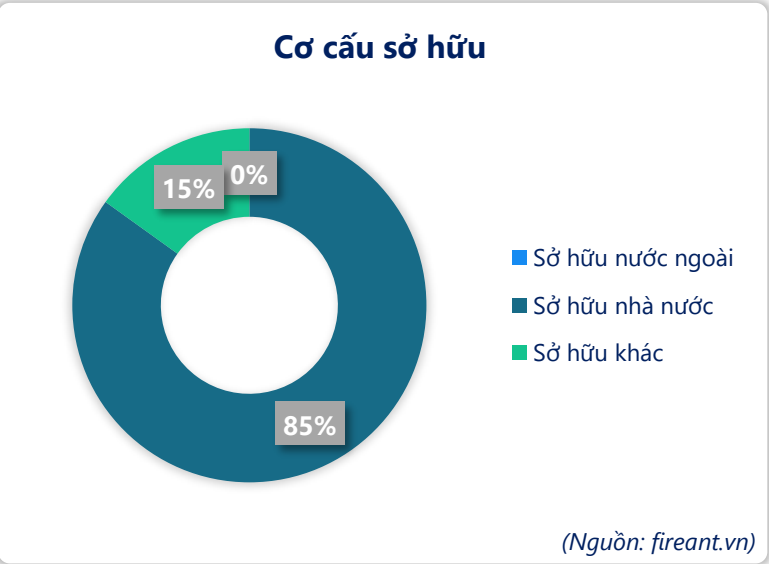
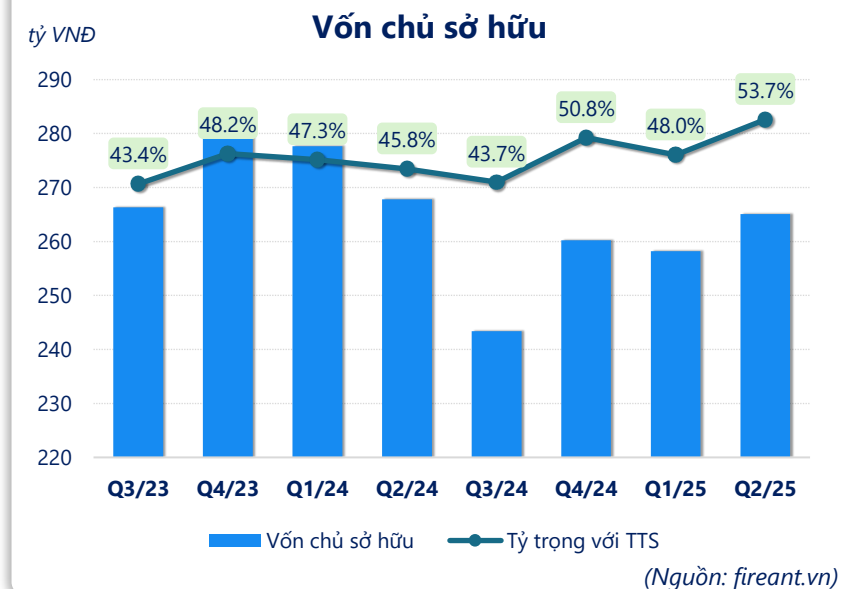
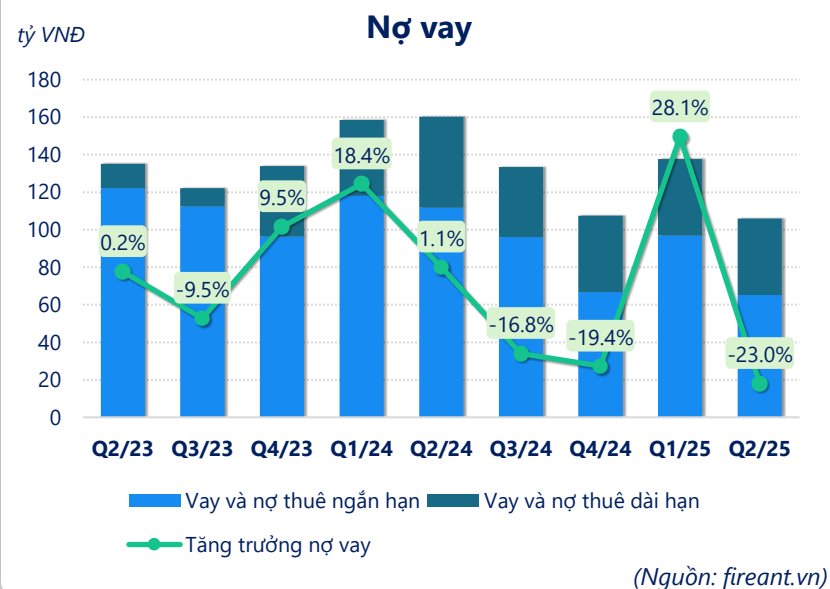
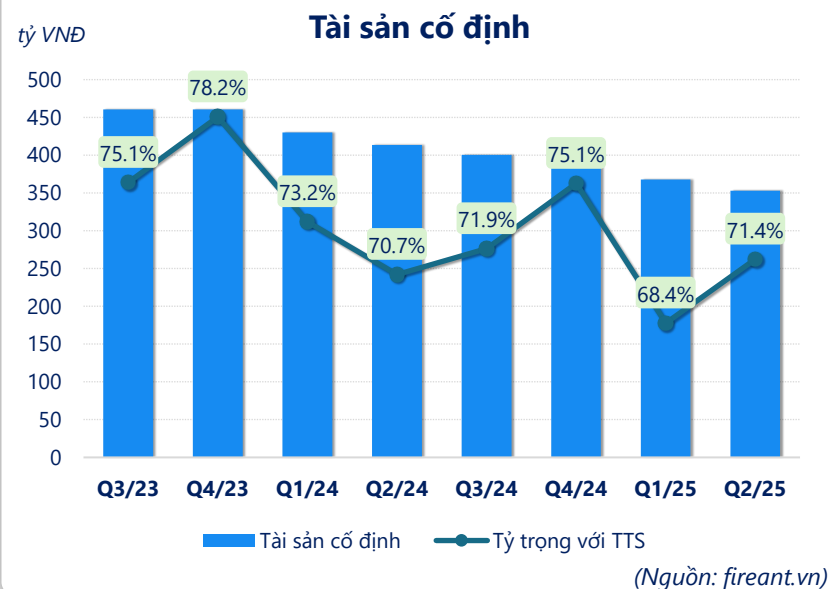
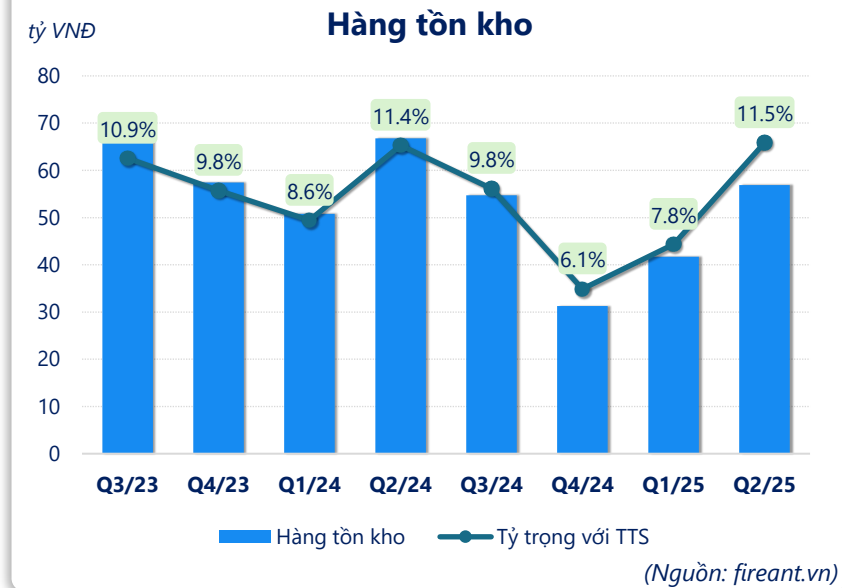
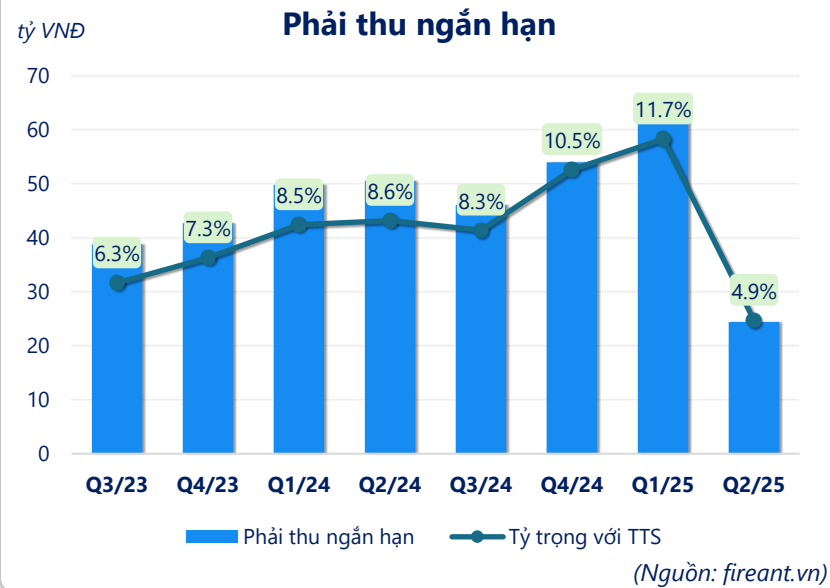
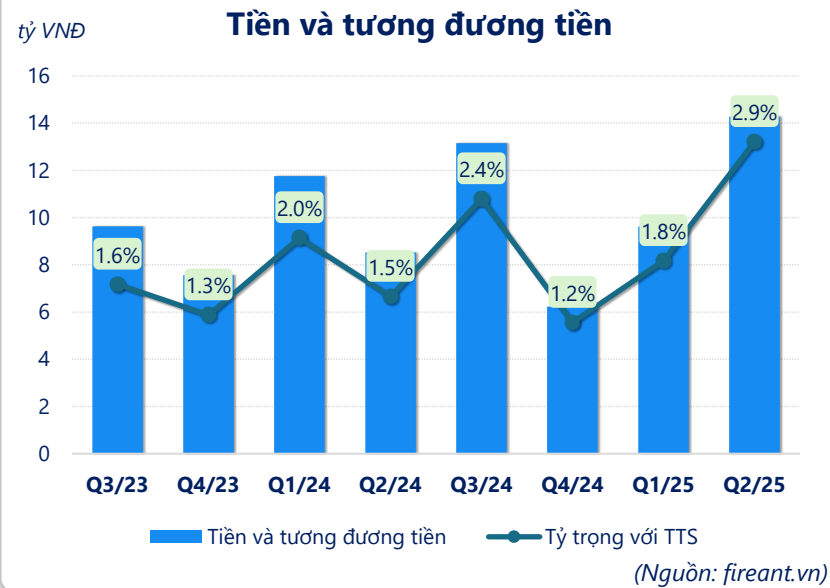
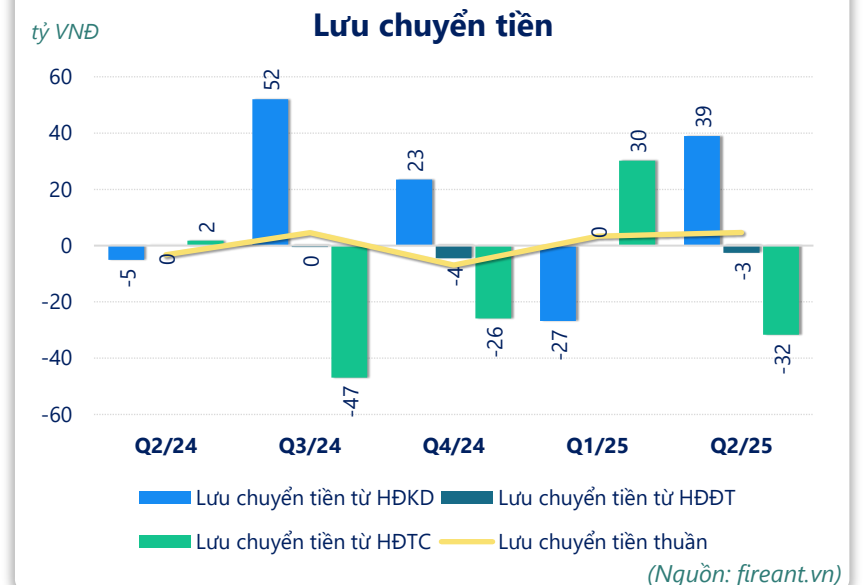
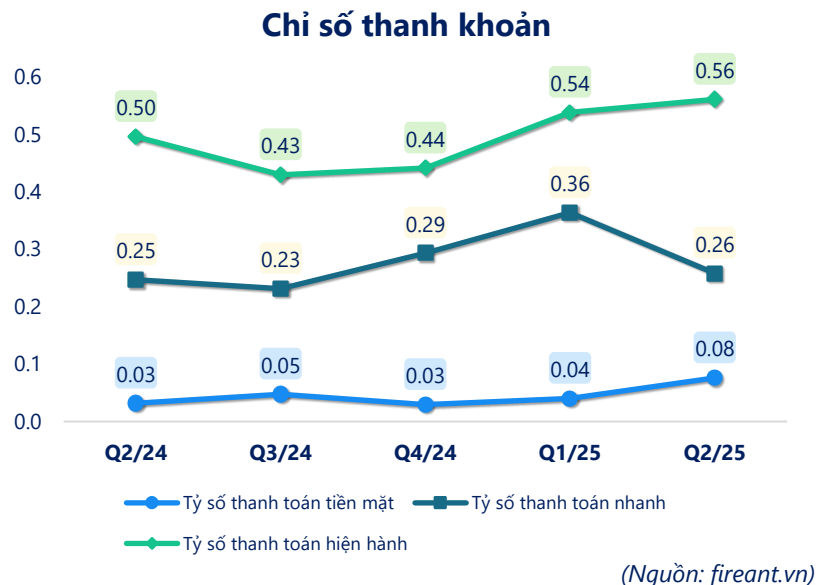
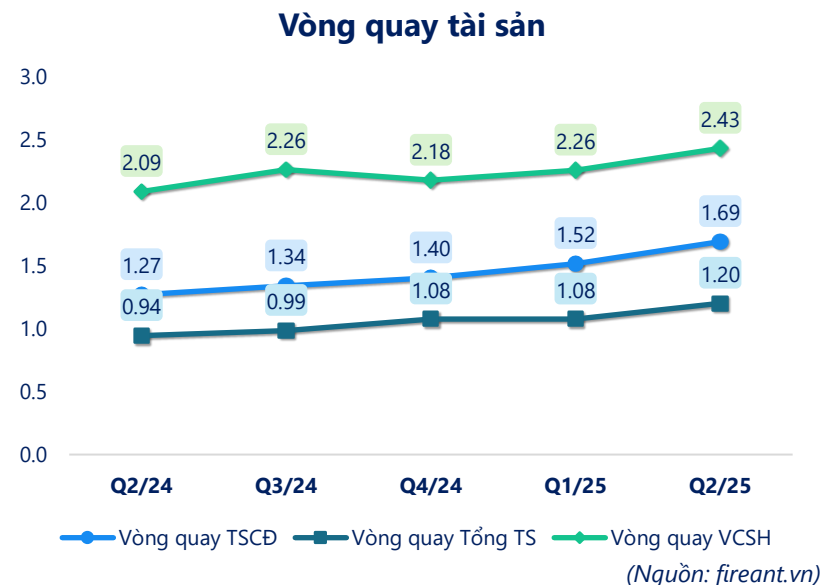
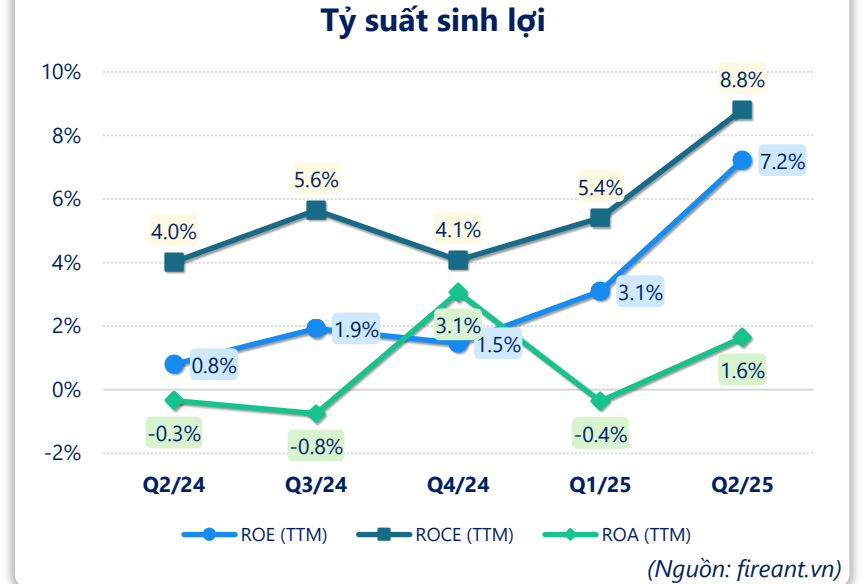
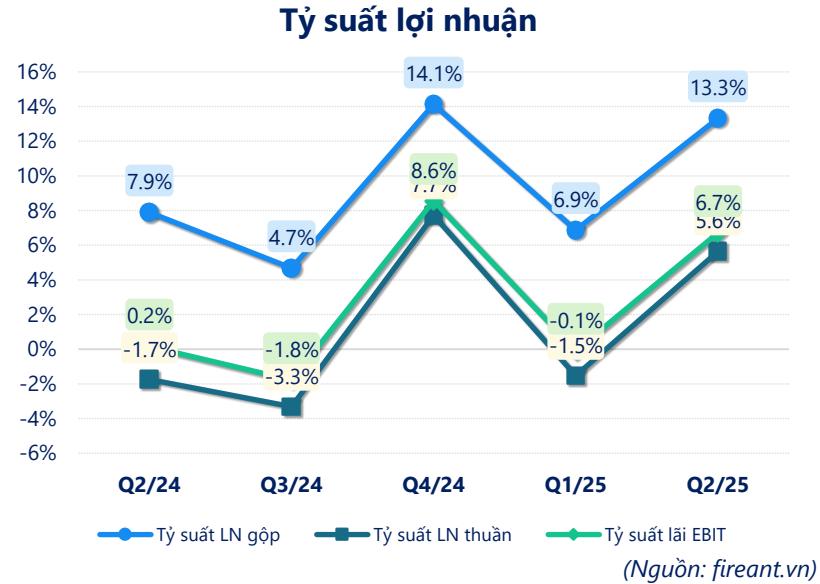
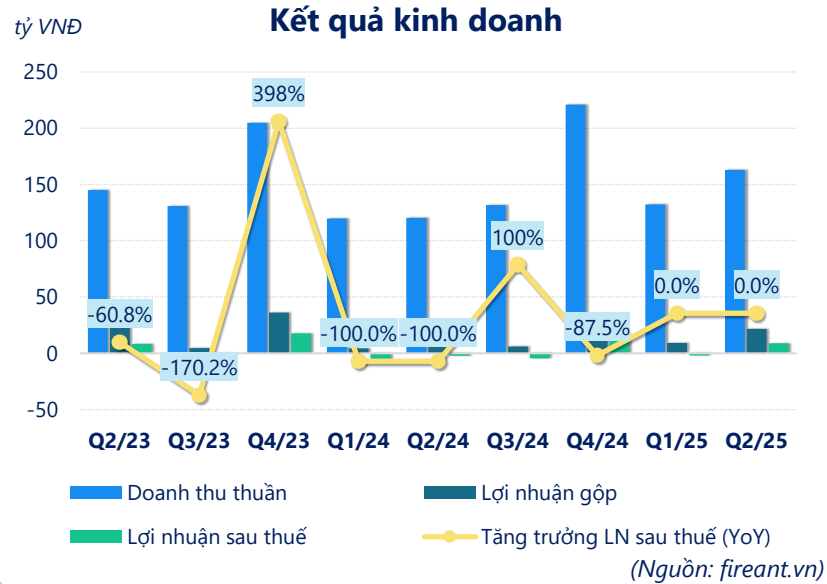


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,856
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,730
SL cổ phiếu LH		25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		405
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		223
P/E		11.6
EPS		770

	YTD	1T	3T	6T
CQT	7.1%	-1.0%	-1.0%	7.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	494	513	-3.6%
Tài sản ngắn hạn	105	93.3	13.0%
Tiền và tương đương tiền	14.3	6.23	129%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	24.4	54.0	-54.8%
Hàng tồn kho	56.9	31.3	81.9%
Tài sản ngắn hạn khác	9.86	1.85	434%
Tài sản dài hạn	389	419	-7.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	353	385	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.22	0.37	229%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	34.4	34.2	0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	229	252	-9.3%
Nợ ngắn hạn	188	212	-11.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	65.2	66.8	-2.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	87.5	101	-13.3%
Nợ dài hạn	40.8	40.7	0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.8	40.7	0.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	265	260	1.9%
Vốn chủ sở hữu	265	260	1.9%
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	120	132	221	132	163
Giá vốn hàng bán	111	125	190	123	141
Lợi nhuận gộp	9.49	6.16	31.2	9.09	21.7
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	3.26	3.29	3.79	3.39	3.33
Chi phí lãi vay	2.29	2.07	1.86	1.92	1.72
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.06	2.30	3.49	2.77	3.44
Chi phí QLDN	4.27	4.94	6.87	4.96	5.75
LN thuần từ HĐKD	-2.10	-4.36	17.1	-2.03	9.21
Lợi nhuận khác	0.00	-0.05	-0.01	0.00	0
LN trước thuế	-2.10	-4.41	17.1	-2.03	9.21
Lợi nhuận sau thuế	-2.10	-4.41	16.8	-2.03	8.84
LNST của CĐ cty mẹ	-2.10	-4.41	16.8	-2.03	8.84

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.04	52.0	23.5	-26.8	38.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.50	-4.50	0.00	-2.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.81	-46.9	-25.9	30.2	-31.7
Tiền đầu kỳ	11.8	8.52	13.1	6.23	9.61
Lưu chuyển tiền thuần	-3.23	4.63	-6.92	3.38	4.67
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.52	13.1	6.23	9.61	14.3

(Nguồn: fireant.vn)